

Nguyễn Đức Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn



Vnthuquan.net, 2009.

MỘT NGƯỜI CON GÁI THUẬN HÓA TRONG BINH NGHIỆP ĐẦU TIÊN CỦA NGUYỄN HOÀNG

Rời miền Bắc, Nguyễn Hoàng giong buồm tiến thẳng vào Nam. Cặp bến cảng Yên Việt (Cửa Việt), bản bộ tướng quân lên bờ dựng doanh trại trên cồn cát thuộc xã Ai Tử huyện Vũ Xương (Triệu Phong). Quân trình sát của Nguyễn đi khắp vùng Thuận Hóa nghiên cứu địa hình, địa vật...

Kết quả nghiên cứu được trình lên, Nguyễn Hoàng rất thích thú với địa thế xã Phú Xuân thuộc huyện Hương Trà “núi sông vàng tụ, cảnh đẹp dân giàu”. Được địa lợi, Đuan Quốc Công liền bàn đến việc “thi hành đức chính để vỗ về dân chúng” nhằm xây dựng cơ nghiệp lâu dài.

Lúc đó, tướng nhà Mạc là Quận Lập đang đóng dinh cơ tại Khang Lộc (Lệ Ninh) nghe tin Đuan Quốc Công thừa lệnh Trịnh Kiểm vào trấn đất Thuận Hóa lấy làm tức giận.

Để trừ hậu họa, Quận Lập tức tổ chức hai cánh quân vào đánh Đuan Quốc Công. Cánh thứ nhất gồm 30 chiếc thuyền đến ngay Cửa Việt thị uy; cánh thứ hai gồm một ngàn bộ binh đi qua đường Hồ Xá – Lãng Uyển (?) đến đóng ở miếu Thang Tương (?) dự định sẽ đánh úp cướp doanh trại của chúa Tiên (tức Nguyễn Hoàng Đuan Quốc Công).

Trước thế lực của Quận Lập (nhà Mạc), chúa Tiên rất lo lắng: Vì quân Nguyễn vốn vịn chỉ có mười chiếc thuyền, bộ binh không có làm sao có thể đương đầu với quân nhà Mạc?

Một đêm, bên ngọn đuốc, chúa Tiên đang thao thức, tư lự... bỗng nghe bên bờ sông tiếng sóng nước kêu “trảo thảo” Chúa lấy làm lạ! Sáng hôm sau, thấy một vùng nước xô sóng cuộn khác thường.

Chúa ngược mắt nhìn trời khấn thầm:

- Trên sông nếu có thần linh xin phù hộ cho, đánh tan quân giặc, sẽ lập miếu phụng thờ bốn mùa tế lễ!

Đêm hôm ấy Chúa nằm mơ thấy một người đàn bà mặc áo xanh, tay cầm chiếc quạt thẻ đến thưa rằng:

- Tướng quân muốn diệt trừ nguy đảng cần lập kế dụ chúng đến bãi cát ven sông, thiếp sẽ giúp sức trừ được, khỏi phải phiền nhiễu đến dân trong miền.

Nói xong người trong mộng buông tay áo ra đi... Chúa tỉnh dậy, trong lòng thầm vui. Chúa nghĩ: “Chiêm bao thấy người đàn bà bảo ta phải lập kế dụ địch, như vậy ắt phải dùng kế mỹ nhân”.

Lúc bấy giờ Chúa mới có một nàng hầu đẹp, quê ở xã Thế Lại (Huế) tên là Ngô Thị Lâm. Tuy là phận gái nhưng bà gan dạ, có mưu trí, ứng đối trôi chảy, nhan sắc thì “Nguyệt mờ hoa thẹn, dáng điệu cá lặn chim sa” so với nàng Tây Thi ở Hàm Đan (Trung Quốc) chẳng kém bao nhiêu! Chúa cả mừng, gọi nàng Lâm đến giao nhiệm vụ: đem vàng bạc, kỳ nam đến trại quân nhà Mạc, tiến dâng các vật báu, xin mở đường hòa hiếu. Nếu cần nàng phải ượng chịu cho Quận Lập tư thông, mục đích là làm sao dụ được Lập đến đất Trảo Trảo để có kế diệt trừ. Thật là chuyện lạ đời, ngoài sức tưởng tượng của một

người con gái, nàng Lâm sụp lạy kêu khóc:

- Tiệp thiếp từ khi được theo hầu Chúa thượng, dốc lòng theo nữ đạo, giữ gìn tiết giá phu nhân. Nếu Chúa muốn thiếp nhảy vào chỗ nước sôi lửa bỏng muốn chết thiếp không dám chối từ. Nhưng nếu bảo thiếp để cho Quận Lập tư thông thì thiếp không thể nào hiểu được. Thần thiếp xin nhận tội chết chứ không thể nào làm theo lời Chúa thượng.

Chúa vừa đau xót vừa kính phục người tiết phụ tìm lời an ủi và thuyết phục nàng.

- Lời của nàng thật đúng với phẩm hạnh lớn của đàn bà. Ta hiểu rõ lòng nàng. Nhưng nay vì sự nghiệp “quốc gia đại sự” nếu nàng không xả thân thì không có ai ở đây có thể phá được giặc. Nàng hãy cứ nghe lời ta, đừng chối từ.

Nàng Lâm đành lau nước mắt và làm theo lệnh Chúa.

Mang lễ vật đến doanh trại Quận Lập, nàng Lâm cung kính thưa:

- Thân vâng mệnh quan Quận Đồn, nghe tin minh công oai trời sắp đến, lo sợ khôn xiết, đặc cách sai tiệp thiếp đem ít đồ vật xưa đến lễ mừng để bày tỏ thành tâm. Xin minh công cho lập lễ thề: Minh công làm huynh trưởng, bản quan của thiếp làm nghĩa đệ, cùng đồng lòng chung sức may mới tránh khỏi hiểm thù đánh giết lẫn nhau gây đau thương cho trăm họ.

Quận Lập liếc mắt ranh mãnh, cất giọng cả mắng:

- Người muốn làm sứ giả đàn bà đến thuyết khách để câu ta đó chăng?

Thị Lâm giả vờ run sợ, sụp đầu van lạy nhưng vẫn liếc mắt chuyển làn thu ba đưa tình... Quận Lập vốn là một tên tham của, mê gái, thấy nàng Lâm xinh đẹp, quyến rũ, ăn nói ngọt ngào, lửa dục trong y

bốc lên. Quận Lập liền đổi thái độ, sai người ra nhận lễ vật rồi đứng dậy bước đến cầm tay nàng Lâm dắt vào phòng riêng... Nàng Lâm đã dùng kế “cảnh dương ngả theo bóng dương” khiến cho Quận Lập đắm say mê muội... Nàng Lâm nhắc lại việc lập đàn thề. Quận Lập chiều ý, liền nghe theo.

Với sự cảnh giác, Quận Lập cho trinh sát đi thám thính biết Quận Đoan quân ít, không có gì đáng phải sợ, bèn cùng với nàng Lâm định ngày làm lễ thề kết nghĩa.

Được tin Quận Lập đã bằng lòng, Đoan quận công mừng rỡ khôn xiết, sai người bí mật đến vùng Trảo Trảo dựng một gian miếu tranh, đào hố ngầm bốn phía, chọn một số dũng sĩ cầm khí giới ẩn mình trong hố dùng cỏ lác và cát lấp bên trên như đất liền. Để một ít người già yếu cầm chổi, xách sọt đứng ở cửa miếu... đợi lệnh.

Hạ tuần tháng mười năm ấy, nàng Lâm đưa Quận Lập đến miếu tranh làm lễ thề... Thấy quân binh Quận Đoan không bao nhiêu lại có vẻ già yếu, Quận Lập chủ quan không đề phòng.

Bất chước Quan Vân Trường ngày xưa, Quận Lập dùng một chiếc đồ nhỏ cùng với 30 lính thân hành đến chỗ hội thề.

Khi thuyền Quận Lập ghé vào cồn cát Trảo Trảo, ngay trước cửa miếu, Quận Lập cầm bảo đao bước lên bộ đi thẳng vào miếu. Nàng Lâm theo sau, thanh thót gọi:

- Xin minh công bước chậm lại kéo bản quan của thiếp lo sợ...

Quận Lập cất tiếng cười vang và đi chậm rãi. Từ xa Đoan Quốc Công áo mào chỉnh tề chấp tay kính cẩn đón chờ... Thình lình Đoan Quốc Công quát lớn:

- Quân bay mau dậy đón tiếp tôn huynh!

Quân mai phục dọc theo các hố cát vùng dậy xông vào vây bắt.

Quận Lập cả kinh, hồn xiêu phách lạc co giò tháo chạy... Ra đến bờ sông thì thuyền vừa rời bến, Quận Lập dốc hết sức bình sinh nhảy ào lên mạn thuyền, nhưng... vị tướng hiều sắc rơi tồm xuống nước. Ngay lúc ấy bộ tướng của Đoan Quốc Công là Thự Trung và Thự thiết ào tới, thấy Quận Lập đang lóp ngóp dưới sông bèn dương cung bắn chết. Quan hầu của Quận Lập hoảng loạn mạnh ai nấy chạy tìm đường thoát thân.

Thắng trận, về bản doanh, Đoan quận công mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, sai người tôn tạo miếu Trảo Trảo và sắc phong cho vị thần linh ấy là “Linh thu phổ trạch tướng hựu phu nhân” bốn mùa cúng tế. Riêng nàng Lâm, Chúa gọi đến bảo rằng:

- Trừ được Quận Lập và phe đảng là nhờ công lao to lớn của nàng. Ta muốn chọn người tài trí gả chồng cho nàng để tại thành địa vị công khanh thoát kiếp cô đơn của kẻ nô tỳ và cũng là để làm hiển trạng công lớn.

Nàng Lâm khóc lóc, than rằng:

- Ý nguyện bình sinh của thần thiếp là được cầm khăn lược theo hầu Chúa thượng giữa trọn tiết trinh. Chỉ vì việc nước mà xác thân ô uế, khó mà rửa được. Vậy từ nay thần thiếp xin giữ việc bếp núc, quét tước đền ơn thánh chúa vẹn đạo làm tôi. Còn việc Chúa thượng muốn cải giá cho thần, thì đến cùng, thần sẽ chẳng dám phụng mệnh. Xin Chúa thượng lượng thứ cho.

Chúa cười đáp:

- Đây là việc nước, không phải lỗi hay tội tình riêng của nàng. Đền công đáp nghĩa là do ý muốn tự bản thân ta và nàng nên nghe theo để làm sáng tỏ thân danh với đời sau.

Chúa ân cần khuyên giải, vỗ về nhiều bận, nàng mới vâng chịu. Bảy giờ có Ngô Côn, người gốc Nghệ An, làm phó Doãn sự ở vệ Thiện Vũ đang theo giúp việc tại phủ chúa. Ngô Côn tướng mạo khôi ngô, văn võ kiêm toàn, thông kim bác cổ... rất được Chúa yêu mến nên được Chúa chọn cho kết duyên với nàng Lâm xinh đẹp. Tân nhân và Tân lang bái vọng tạ ơn rồi làm lễ giao bôi và động phòng hoa chúc...

(Theo Nam Triều Công nghiệp diễn chí)

Nguyễn Đắc Xuân

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 2 -

QUẬN CHÚA A-MÔ

(hay Sắc đẹp và tiếng nói của đàn bà)

Để sống yên ở phương nam, Nguyễn Phúc Nguyên (tức chúa Sãi) đã tích cực đắp thành lũy, trang bị vũ khí mới cho quân đội để khi cần có thể đương đầu với quân Trịnh ở phía Bắc. Một trong những trở ngại khó vượt qua của chúa Nguyễn là vấn đề mua sắt, đồng, diêm tiêu để đúc súng. Chúa Sãi nhờ bọn thương gia Hòa Lan, Bồ Đào Nha, Tàu, Nhật... nhưng bọn này không thật lòng nên Chúa không yên tâm. Cuối cùng Chúa đã biết phát huy truyền thống của phụ nữ Việt Nam, gả một người con gái cho thương gia Nhật tên là Araki Sôtarô

(Hoàng-mộc Tôn-thái-lang). Thương gia này vừa làm chủ một cửa hàng lớn ở Hội An vừa có tàu viển dương đi mua bán ở hải ngoại. Từ đó bà quận chúa xứ Đàng trong ngày đêm tỉ tê với chồng, Araki Sôtarô không thể từ chối được người đẹp nên ông đã thỏa mãn mọi yêu cầu của chúa Sãi. Chúa Sãi cần gì thì tàu của Araki đi Áo Môn, Quảng Đông và trường Kỳ chở về ngay thứ ấy. Nhờ thế mà quân đội của chúa Nguyễn được trang bị rất đầy đủ, mọi cuộc tấn công của quân Trịnh ở phía Bắc vào đều bị chặn đứng.

Theo nhà Đông phương học Duy-mu-chi-ê (Pháp) thì bà quận chúa xứ Đàng trong này tên là Amô. Trong một chuyến về thăm quê chồng, quận chúa bị giữ lại ở Nhật bởi nghiêm lệnh của Mạc-phủ Đức-xuyên cấm những người Nhật đi thông thương hải ngoại. Vì thế mà đôi vợ chồng Việt-Nhật này không trở lại được đất Thuận Quảng. Năm 1845 bà mất ở Trường Kỳ và mai táng tại chùa Dainonji. Con cháu của bà còn giữ một cái gương soi của bà đem ở nước Nam qua, bề ngang tám gương đo được ba tấc rưỡi, bề cao ngót bốn tấc, chung quanh chạm trổ và mạ vàng y như của người Tây phương.
(Theo Việt sử giai thoại của Đào Trinh Nhất, Hn, 1943)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 3 -

VÌ NỮ SẮC SỰ NGHIỆP SUÝT TAN TÀNH

Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) có công trong việc dời dinh phủ từ Phước Yên vào Kim Long, lại lập được nhiều võ công hiển hách trong các cuộc chiến tranh với quân Trịnh (ở phía Bắc), với quân Chiêm (ở phía Nam), với giặc Ô-Lan (tức Hòa Lan) ngoài biển

Đông. Thời đại ông là một trong những giai đoạn vàng son nhất của các chúa Nguyễn nở xứ Đàng trong. Thế mà sự nghiệp ấy suýt vỡ tan vì nhan sắc một góa phụ...

Nguyên chúa Sãi (1613-1635) có người con trưởng là Nguyễn Phúc Kỳ trấn thủ Quảng Nam (1). Kỳ làm rể Cai cơ Tống Phước Thông. Sống với vợ là Tống Thị, sinh được ba con, bỗng nhiên Kỳ mất (27-7-1631). Trong tâm tư, Phước Thông nuôi hy vọng con rể sẽ nối nghiệp chúa, nào ngờ cái chết đột ngột của Kỳ, nên ông hết sức thất vọng. Ông quyết định đưa cả gia quyến về miền Bắc, riêng nàng Tống Thị không chịu theo cha hồi hương (?).

Lúc thuyền Phước Thông vừa ra đến vùng biển thuộc xứ Đàng ngoài, nàng Tống Thị liền vào thăm em chồng là Nguyễn Phúc Lan đang ở ngôi chân chủ tại phủ Kim Long...

Tống Thị là một nhan sắc diễm lệ. Nàng sẵn vốn sắc nước hương trời lại thêm thuận đưa tình gợi cảm, ăn nói, cử chỉ quyến rũ, duyên dáng, khôn ngoan. Nàng còn có một phương thuật chinh phục tình yêu đến kỳ lạ. Phương thuật đó nằm trong một xâu chuỗi kết bằng trăm thứ hoa! Từ xâu chuỗi toát ra một mùi thơm ngậy ngát làm cho nhiều kẻ quyền cao chức trọng phải đắm đuối say mê, quên cả đạo nghĩa luân thường, thanh danh, sự nghiệp coi nhẹ tựa lông hồng. Trong số những “nạn nhân” của nàng có Công thượng vương Nguyễn Phúc Lan.

Từ khi gặp chị dâu, tiếp nàng Tống Thị có xâu chuỗi trăm hoa (1639), tâm thần chúa Thượng mê mẩn, ngày đêm tư tưởng, ăn ngủ không yên. Chúa bèn cho phép Tống Thị được tự do ra vào Vương phủ... Lòng say mê dâng cao qua những lần gặp gỡ, bắt chắp cả luân thường đạo lý, luật lệ chốn Vương phủ, em chồng và chị dâu đi vào ái ân hoan lạc bất luận đêm ngày...

Góa phụ họ Tống được Chúa sủng ái, quý trọng, tin cậy đến độ nàng muốn nói gì thì nói, làm gì thì làm. Nàng khiến làm gì Chúa cũng nghe theo.

Lên đến đỉnh quyền uy, Tống Thị bắt đầu hành động: nàng xúi dục Chúa trừng trị những người mình oán ghét, nhất là những cận thần trung nghĩa dám can gián Chúa, những kẻ tỏ ý khinh khi, miệt thị những việc làm dâm ô bất chính và ám muội của nàng.

Đắm mê sắc dục, nghe lời yêu nữ làm nhiều việc sai trái, tính tình chúa Thượng dần dà thay đổi. Từ một người khiêm nhã, nhân hậu, chúa Thượng trở thành một hôn quân, một bạo chúa nóng nảy, hiếu sát, đắm mê vật dục, xa xỉ. Từ một vị vương chiến công hiển hách, Chúa trở thành kẻ hoang dâm vô độ đến bỏ bê quốc sự, coi nhẹ xã

tắc sơn hà. Thế là Tống Thị đã tạo được chỗ đứng, đã triệt hạ những người đối lập. Nàng ra tay làm giàu bằng cách nhận hối lộ của những kẻ cúi lòn cầu cạnh. Nàng thẳng tay bóc lột đám dân đen... Chẳng mấy chốc nàng trở thành một tay cự phú đứng đầu đám nhà giàu trong toàn cõi. Tiền bạc như nước, vàng ngọc châu báu chất đầy rương hòm, ruộng đất cò bay thẳng cánh.

Nạn nhân nào dám kêu rên, than thở, oán trách thì chỉ một lời của Tống Thị là lập tức bọn nha quân theo lệnh Chúa đến bắt giam cầm hoặc đánh đập, hoặc hành hạ đến chết bêu xác giữa chợ hay ven đường.

Số người chết oan ức vì một tay Tống Thị ngày càng nhiều, nhưng mọi lời ta thán đều bị bưng bít bởi những vụ khủng bố. Những lời can gián chẳng những không có hiệu quả mà ngược lại chỉ làm tăng thêm các cơn thịnh nộ lôi đình, rước thêm tai họa cho những bậc trung ngôn. Ngay cả Nguyễn Phước Khê (con thứ mười của Nguyễn Hoàng), chú ruột của Nguyễn Phúc Lan, trước giờ lâm chung, chúa Sãi đã ủy thác giải quyết mọi việc chính sự giúp đỡ thế tử còn trẻ kém lịch duyệt, Nguyễn Phước Khê cũng từng cố công dẹp bọn phản nghịch... Thế mà giờ đây cũng đành bất lực không khuyên bảo, can gián nổi. Chúa Thượng thì không những để ngoài tai những lời dị nghị, những khuyên bảo... mà còn tiến xa hơn trên đường tội ác. Để chứng tỏ mối tình keo sơn nồng đượm của mình đối với người đẹp, Chúa quyết định xây một lâu đài nguy nga tráng lệ để cùng nhau an hưởng tuổi xế chiều. Cái lâu đài lạc thú mà chúa Thượng định xây đòi hỏi rất nhiều tiền của, nhân công và vật liệu.

Chúa truyền bắt trăm họ phải lên núi lấy đá quý, lên rừng lấy gỗ quý, phải tập trung đủ nhân công và thợ giỏi để thực hiện việc xây cất. Sự dịch tễ càng thêm nặng nề, ác liệt. Lại thêm trời hạn hán, mất mùa... dân tình đã đói kém lại càng thêm khổ ải. Tiếng kêu than vang khắp đó đây. Trong vương phủ, những ai còn chút lương tâm đều oán ghét Tống Thị và run sợ cho sự nghiệp của Chúa.

Chưởng cơ Nguyễn Phước Trung-em ruột của Chúa Thượng- vốn có tính nóng nảy, cứng rắn. Ông nuôi một bầy thú dữ để mua vui. Thấy Tống Thị quá lộng hành, ông đã gọi đích danh Tống Thị xỉ mắng cùng đe dọa để bà ta dừng tay tội ác. Ông nói: “Đã đến lúc ta phải cho bầy ác thú của ta nhai xương xé xác con mẹ dâm phụ họ Tống để rửa hờn cho sĩ thứ. Có làm được như thế ta mới hả lòng”.

Nghe lời đe dọa của Chưởng cơ, Tống Thị rất lo sợ! Vì bà biết rõ tính tình ông: đã nói là làm. Bà tránh mặt ông Chưởng cơ, cố nuốt giận để tìm dịp phục thù.

Tuy vậy lời đe dọa của Chưởng cơ cũng có làm cho y thị chùn lại phần nào, nhưng rồi lại tái diễn: chúa Thượng vẫn chưa bỏ ý định bóc lột lương dân để xây dựng “lạc đài” cùng dân phụ vui vầy. Theo gương trung dũng của Chưởng cơ, Nội tán họ Phạm, vốn là người cương trực, tiết khí, đã thẳng vào Vương phủ Kim Long, khấu đầu thi lễ rồi khảng khái tâu bày với Chúa:

- Thân Chúa, xin hãy chém đầu hạ thần, nếu chúa Thượng không còn nghe những lời trung ngôn! Kẻ bày tôi này không thể sống mà chịu tiếng bất trung bằng lòng nhắm mắt, ngậm tẩm trước những chuyện trái ngang có hậu quả đưa tới nhiều nguy cơ cho đại nghiệp! Thái độ quyết liệt của Nội tán họ Phạm làm chúa Thượng sửng sốt. Chúa đưa tay ra hiệu cho Nội tán cứ việc tâu bày. Phạm Nội tán cất giọng đanh thép:

- Thân Chúa! Lịch sử xưa nay, điều kiêng kỵ nhất trong phép trị quốc là xây đắp cung điện bằng oán hờn của trăm họ, chất chứa kho lẫm bằng máu mủ của lê dân. Vả lại, phép làm chính trị phải tôn trọng cương thường. Nay chúa Thượng đã vì lòng nịnh ái một phụ nhân dân laonj đến coi nhẹ đạo lý, nhân luân, buông lỏng giềng mối, gây cảnh điêu linh thống khổ cho sĩ thứ lê dân giữa lúc thiên tai hạn hán đang dấy khởi, lan tràn... thì nhất định khó tránh khỏi cái họa suy vong: “Thượng bất chính, hạ tắc loạn”. Là kẻ bày tôi, trong hoàn cảnh này, nếu không làm tròn trách nhiệm “tránh thần” để cứu vãn tình thế, thì chỉ còn cái chết mới mong bảo toàn được khí tiết, khỏi phải lỗi đạo ái quốc, trung nhân!

Dứt lời, Phạm Nội tán tuốt gươm khỏi vỏ, sẵn sàng tuấn tiết trước mặt chúa Thượng. Biết rõ khí tiết của vị trung thần, chúa Thượng vội bước xuống, đến bên Nội tán ân cần phán bảo:

- Xin Phạm Nội tán hãy dần tâm. Những lời trung nghĩa của người đã thức tỉnh ta rồi!

Ngay sau đó chúa Thượng hạ lệnh bãi bỏ việc xây cất lầu đài, gấp rút tổ chức công cuộc chấn tế... và bản thân Chúa dần lánh xa Tổng Thị.

Thật may mắn! Sự nghiệp của chúa Thượng đã tránh khỏi sự sụp đổ vì nữ sắc. Nhưng tội ác của người đàn bà gian dân này vẫn chưa được chặn đứng, Tổng Thị vẫn tiếp tục tác quái...

(Theo Nam triều khai quốc công nghiệp diễn chí)

Ghi chú:

(1) Các chúa Nguyễn thường cử các kế tử vào làm trấn thủ đất Quảng Nam để tập sự, chuẩn bị nối nghiệp chúa tại Phú Xuân.

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 4 -

ÁC THÚ KHÔNG BẰNG ÁC NHÂN

Do lời điều trần của Phạm Nội tán nên Tống Thị bị thất sủng. Ngày đêm Tống Thị tìm mưu tính kế trả thù. Thị nghĩ phải làm sao cho sụp đổ toàn cơ nghiệp của họ hàng chúa Nguyễn xứ Đàng trong mới hả dạ.

Bà ta viết một mật thư kèm theo một xâu chuỗi trăm hoa do chính tay bà kết rồi sai người tâm phúc đem ra cho thân phụ là Tống Phúc Thông, nhờ dâng lên tận tay chúa Trịnh Tráng. Nội dung lá thư nói lên lời thỉnh cầu khẩn thiết xin Trịnh Tráng sớm cất quân tiến vào đánh Thuận Hóa, bà nguyện sẽ đem hết gia sản lớn lao của mình ra lo việc nuôi quân. Cuộc Nam phạt thành công, bà xin về Đàng ngoài hầu hạ Chúa.

Trịnh Tráng xem thư rất thích chí lại ngửi đến mùi hương của chuỗi hoa, bỗng cảm thấy bần thần xao xuyến... càng nhìn nét chữ càng mơ tưởng đến mỹ nhân nơi phương trời, lòng rộn rã mến thương, nhớ nhung và nôn nóng mong được thấy dung nhan để vui vầy cá nước.

Trong niềm khát khao, chúa Trịnh gấp rút tổ chức cuộc Nam phạt để làm đẹp lòng Tống Thị.

Bị đánh bất ngờ, quân Nguyễn thua to. Quân Trịnh chiếm được Nam Bố Chánh, hạ được lũy Thầy, đóng quân tại Võ Xá. Thế là lần này quân Trịnh chắc chắn sẽ đánh tan quân Nguyễn. Nhưng tại trại Toàn Thắng, đại quân của Thượng Vương với cha con Trương Phúc Phấn, Trương Phúc Hùn đã cầm cự dũng mãnh, giữ vững lũy Trường Dục. Một trăm thớt voi uy vũ lẫm liệt dưới quyền điều khiển của thế tử Nguyễn Phúc Tần cùng với quyết tâm của các hổ tướng: Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật, quân Nguyễn đã lật ngược thế

cờ.

Bị phản công như vũ bão, Trịnh quân rối loạn hàng ngũ, đạp lên nhau chạy không còn manh giáp về tận bờ bắc sông Linh... Trịnh Tráng thêm một lần vỡ mộng xâm lấn đất Thuận Hóa!

Tiếng súng đại thắng vừa dứt, tin vui chưa về đến Kim Long thì có tin chúa Thượng đã đột ngột mất trên đường về qua phá Tam Giang! Thật là một tin sét đánh. Có thuyết cho rằng chúa Thượng không chết vì bạo bệnh mà có lẽ vì một âm mưu đầu độc của Tổng Thị. Phải chăng tình báo của chúa Nguyễn không thấy sự việc này? Không hiểu khả năng tình báo của chúa Nguyễn lúc bấy giờ ra sao. Chỉ thấy họ tỏ ra hoàn toàn mù tịt trước sự liên lạc của Tổng Thị với chúa Trịnh ở Đàng ngoài. Cho đến lúc chúa Thượng mất, vẫn chưa có ai ở Đàng trong hay biết gì về tình tiết của cuộc can qua năm Mậu Tý (1648) vừa qua là do bàn tay Tổng Thị. Vì thế, sau khi chúa Thượng qua đời Tổng Thị vẫn còn lén lút hoạt động bên cạnh Vương phủ ở Kim Long.

Thế tử Nguyễn Phúc Tần, 28 tuổi, đã có kinh nghiệm trong việc trị quốc, đã lập nhiều chiến công bình Chiêm, thắng Trịnh, đuổi giặc Ô-Lan ngoài biển Đông...lên kế nghiệp Vương.

Nguyễn Phúc Tần trở thành mối đe dọa của Tổng Thị. Gian phụ lại phải hoạch định một âm mưu mới để đối phó.

Âm mưu này cũng khá táo bạo. Quỷ kế của Tổng Thị nhắm vào Nguyễn Phúc Trung – người đã từng dọa thả bầy ác thú xé xác dân phụ để trả thù cho sĩ thứ. Tổng Thị nghĩ là chỉ có Phúc Trung mới lật đổ được cháu của ông. Tổng Thị ngầm huấn luyện cho nàng Hoa, một nữ tỳ duyên dáng nhất thành một người thành thạo trong việc phục dịch các chốn cao môn rồi nh[ư] người tin cần tiến vào dinh Nguyễn Phúc Trung. Nàng Hoa hàng ngày tin cho Tổng Thị biết những sở thích của Trung. Và bà ta truyền ngón cho nàng Hoa thỏa mãn đòi hỏi của Trung.

Thường mỗi lần dùng trà ngon, Phúc Trung thích dùng đồ ngọt. Tống Thị liền giúp nàng Hoa dâng lên một quả bánh ngọt rất đẹp kèm theo xôi chuối trăm hoa vô cùng ngoạn mục.

Phúc Trung ăn bánh, nhấp trà gật gù khen: tuyệt diệu! Rồi... trong hương vị trà quý, bánh thơm ngọt, mùi hoa từ xôi chuối ma quái tỏa ra khiến Phúc Trung cảm lấy hoa ngấm nhìn mãi không chán. Bất giác Trung cảm thấy bồi hồi ngây ngất và lửa dục bốc lên, ông khao khát được thấy người đã dâng bánh tặng hoa... Nàng Hoa vừa giả bộ kín đáo vừa làm duyên giấu giếm, chối từ quanh quẩn để kích thích cho ham muốn của Trung đến cao độ rồi mới khai chủ nhân của những món quà quý ấy chính là Tống Thị. Trong phút đắm mê, Phúc Trung không còn nhớ những chuyện cũ, không còn biết đất trời gì nữa, ông bảo nàng Hoa khẩn cấp đưa Tống Thị vào dinh...

Ngay tối hôm ấy, Tống Thị trang điểm thật lộng lẫy theo nàng Hoa lên vào dinh. Đứng trước nhan sắc kiều diễm phục sức trang nhã, phong cách yếu điệu thực nữ của Tống Thị, Phúc Trung có ảo giác như vừa trông thấy một giáng tiên vừa đội trăng sao vừa rẽ khói vén mây đến với mình... Tống Thị vờ lễ độ khép nép thi lễ rồi tỏ vẻ thưa:

- Trước đây, tiện thiếp vì khiếp sợ uy danh của bậc cao minh quân tử nên phải ẩn tránh, nay cũng vì nể sợ uy danh mà phải đêm hôm đến đợi lệnh dưới trướng!

Phúc Trung nghe những lời thưa gởi như mật rót vào tai ấy, tâm thần trở nên mê mẩn, ông chấp tay vái lia lịa để tạ lỗi. Và... đêm hôm ấy, với kỹ thuật ái ân “tía rụng hồng rơi” Tống Thị đã chinh phục được lòng nịch ái, đắm say của một võ quan hung bạo đã từng xem bà như một loại ma quái cần xé xác phanh thây.

Tống Thị trước là vợ của Nguyễn Phúc Kỳ, sinh được ba con trai, sau Kỳ mất. Tống Thị ve vãn và truy hoan với em chồng là Phúc Lan và giờ đây, sau khi Lan chết, Tống Thị lại sử dụng thuật ái ân để thao túng em Lan là Nguyễn Phúc Trung.

Thế là những gì phải xảy ra đã xảy ra... Nghe theo lời Tống Thị, Phúc Trung bỏ tiền của kết nạp dũng sĩ chuẩn bị một cuộc “đảo chánh” vào trung tuần tháng tư năm Giáp Ngọ (1654) lật đổ Hiền Vương. Những người tham gia cuộc đảo chánh đều có tên trong một danh sách do Tống Thị cất giữ.

Nhưng may mắn thay! Trời không dung kẻ tham tàn. Trong đám thuộc hạ của phe Tống Thị - Phúc Trung có người tên là Thắng Bồ, khi hay tin có cuộc dấy loạn này y đã bí mật cấp báo cho Hiền Vương biết.

Được tin ngày trước, hôm sau bắt thần Chúa ban lệnh “giới nghiêm”: chợ không được họp, đường sá cấm người đi lại, khắp nơi từ thôn xã, đến sơn khê quân dân ai đâu ở đấy không được di chuyển. Đồng thời tại Thượng Đô, Hiền Vương cho quân lính đến dinh Phúc Trung bắt hết người nhà xét hỏi. Phúc Trung không chối cãi được, phải cung khai sự thực. Tội mưu lật đổ là tội chết nhưng nghĩ tình chú cháu, Hiền Vương không nỡ giết, ra lệnh tống giam Phúc Trung vào ngục. Còn Tống Thị, tang vật đã rõ ràng không thể chạy chữa gì nữa, bị chém và bêu đầu giữa chợ. Theo lệnh Chúa, tịch thu gia sản to lớn của Tống Thị phân phát cho quân, dân trong vùng.

Có người lấy được danh sách những người dự mưu làm phản trong nhà Tống Thị đem dâng lên chúa Hiền. Nhưng thay vì khai thác để thanh trừng, Hiền Vương đã ra lệnh đốt đi để mọi người yên tâm đổi công chuộc tội...

Nhờ sự cương quyết và sáng suốt của Hiền Vương mà cái họa nữ sắc được trừ diệt.

*(Theo lịch sử xứ Đàng Trong, Tiên nguyên toát yếu phổ và Đại Nam
Thực lục tiền biên)*

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 5 -

PHONG TÌNH CỔ LỤC

Hiền Vương là một ông chúa có tài quân sự, đêm ngày để tâm lo toan những việc ích nước lợi dân, không chuộng yến tiệc, vui chơi. Bỗng... vào tháng tư năm Nhâm Thìn (1652) xuất hiện giữa đám ca nhi trong vương phủ chúa Nguyễn một áng “đào kiếm” thanh quý, lộng lẫy mười phen vẹn mười! Nhan sắc ấy đã làm phai nhạt, lu mờ tất cả những vẻ thanh tân, tứ lệ của đám phi tần đã dày công trau chuốt sắc tài... Đóa hoa diễm lệ đó là nàng Đào Thừa – sinh trưởng ở đất Nghệ An, nàng vừa có nhan sắc, vừa nét na đúng mực trăm anh, cành vàng lá ngọc, lại thêm biệt tài đàn ngọt hát hay!

Nhan sắc, tài hoa cùng với ma lực của sóng mắt khuynh thành, nàng Thừa đã chinh phục được trái tim cứng rắn của Hiền Vương.

Từ khi có nàng, Hiền Vương dần thân vào giữa cõi mịt mờ của đám mê vân sắc dục, trời đất ngã nghiêng mọi việc quốc quân trọng yếu suốt tuần suốt tháng Chúa chẳng màng để ý tới...

Dưới trướng Hiền Vương, nhiều người có tài kinh luân, có nghĩa khí đã từng vào sinh ra tử với Chúa từ lúc còn là thế tử, trước sa ngã của Hiền Vương, họ đã mạnh dạn đứng ra can gián.

Chượng dinh Nguyễn Cửu Kiều – chồng bà Ngọc Đình, con gái chúa Sãi, bà là bà cô của Hiền Vương – một hôm đã vào thẳng thắn vạch rõ cho Hiền Vương thấy cái họa nữ sắc như thế nào và khẩn cầu Chúa sớm xa lìa con đường sắc dục, hãy rút lại tác lòng sủng ái đã dành cho ả ca nhi xứ Nghệ... Hiền Vương cả giận mắng rằng:

- Ta đã từng nằm gai nếm mật để bảo vệ cơ đồ, nay giống nòi đã vững vàng, trăm họ đã an lạc, há ta chẳng có quyền được cung

dưỡng bằng cái vui thanh sắc, yến ẩm hay sao ?

Tiếng nói của chính khí không chịu im, Nguyễn Cửu Kiều vẫn chấp tay, điềm tĩnh tâu:

- Thần vẫn biết chúa Thượng có quyền, nhưng không được buông lung theo sở thích, mê đắm trong tửu sắc đến độ lãng quên trọng trách trị quốc, an dân. Cổ kim những người đắm mê sắc dục chưa ai tránh được cái họa nghiêng đổ giềng mối. Hiện nay, quân Trịnh tuy bị thảm bại nhưng vẫn chưa bỏ âm mưu thôn tính đất Thuận Quảng, Gương Oai Mục đế và Tương Dực đế đâu đã phai nhòa mai một... Chúa Thượng há sớm quên sao!

Hiền Vương hơi chau mày suy nghĩ, Cửu Kiều vội lui ra. Đêm hôm ấy, không biết vô tình hay hữu ý, có người nào đặt lên án thư của Vương một cuốn “quốc ngữ”. Trong lúc băng khuâng tư lự, thoáng thấy cuốn sách, Hiền Vương giở ra đọc...

Hiền Vương rất chăm chú đọc truyện vua nước Ngô yêu nàng Tây Thi: “Vua nước Việt là Câu Tiễn đánh nhau với nước Ngô, bị thua. Được Phạm Lãi bày mưu, Câu Tiễn dùng kế mỹ nhân dâng người đẹp Tây Thi cho vua Ngô là Phù Sai. Phù Sai mê nàng Tây Thi quên cả quốc sự, thừa cơ Câu Tiễn đem quân đánh, quân nước Ngô đại bại. Sau khi thắng được Ngô, Phạm Lãi rước Tây Thi về dong chơi vùng Ngũ Hồ rồi mới mất”. Đọc xong, Hiền Vương giật mình, bàng hoàng: Ôi! Phải chăng nàng Thừa là Tây Thi của chúa Trịnh đưa từ Nghệ An vào để mê hoặc ta?

Lầu khuya tựa cửa, nhìn về phương Nam, núi Bằng Sơn thấp thoáng, Hiền Vương trầm ngâm tư lự... Đột nhiên ông thở dài, nói một mình, giọng cương quyết:

- Chính người đã can gián ta mới có đủ bản lĩnh để thi hành ý định của ta...

Sáng hôm sau, nàng Thừa, người đẹp sủng ái của Chúa, vâng theo mỹ ý của Hiền Vương mang đến tư thất Nguyễn Cửu Kiều một bộ triều phục mới tinh... Nàng Thừa không làm sao biết được những gì đang diễn biến trong thâm tâm vị chúa tuổi trẻ tài cao đã từng nâng

niu âu yếm ấy, được lệnh là nàng ngoan ngoãn vâng theo...

Nàng Thừa đem bộ triều phục đến nhà Chương dinh Nguyễn Cửu Kiều, rồi chẳng ai còn thấy nàng trở lại Vương phủ với Hiền Vương nữa. Vì chính nàng cũng không biết được trong tay áo của bộ triều phục mới có bức mật thư ủy thác cho Cửu Kiều: kết liễu đời nàng Thừa để tránh cho non nước xứ Đàng trong cái họa Tây Thi!

Phải chăng Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần sáng suốt hơn Ngô Phù Sai? Hay vì không đủ nghị lực để kiềm chế dục vọng, lòng ích kỷ thấp hèn nên đã mượn tay của ông dưỡng trung quân giết hại một ca nhi vô tội?

Lịch sử đã ca ngợi Hiền Vương, mãi đến nay chưa thấy dòng nào nhắc đến hành vi bất nhân này. Một hành vi thâm độc nơi một vị chúa mệnh danh là “Hiền”, thật đáng tiếc.

(Theo Thực lục tiền biên – Phủ biên tạp lục và Mộng Kinh sư)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 6 -

MỘT VỤ LOẠN LUÂN

Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát là người có công xây dựng Đô thành Phú Xuân vào giữa thế kỷ XVIII, đồng thời cũng là người gây nên đưa dần sự nghiệp của các chúa Nguyễn xuống vực thẳm. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thảm họa đó là vụ loạn luân giữa Nguyễn Phúc Khoát với một bà công nữ.

Sử chép: Võ Vương có một người cậu ruột là ngoại tử Trương Phúc Loan. Được Võ Vương tin cậy, trao cho rất nhiều quyền binh, nhưng Loan vẫn chưa vừa lòng. Vốn là một tay gian hùng, tham lam, tàn nhẫn và thủ đoạn, Loan có thể làm bất cứ điều gian ác nào để có thêm quyền hành và của cải.

Hành vi thâm độc nhất của Loan là đẩy đưa cháu mình đang ở ngôi vương (Võ Vương) vào vòng loạn luân.

Cô em con chú của Võ Vương là công nữ Ngọc Cầu (ái nữ của Nguyễn Phúc Điền) có nhan sắc kiều diễm trang đài của một giáng tiên. Biết Vương là người hiếu sắc, Loan tìm cách tạo điều kiện cho Ngọc Cầu thường xuyên ra vào trong Vương phủ và gần gũi Vương...

Một bên là trai đa tình, nịnh sắc, một bên là gái ngọc đã yêu kiều, thanh tân, lại bay bướm phơi phới xuân tình... như hang tối khao khát ánh dương thì cái thể “lửa gần rơm” chẳng mấy lúc sẽ cháy bùng ngọn lửa yêu đương và thiêu rụi cả luân thường đạo lý. Suốt ngày thâu đêm trong cung Trường Lạc “anh em” qua hương trà, men rượu, khước mắt, nụ cười... mãi mê hoan lạc không còn biết trời trăng. Kết quả của những lần lẩn lóc ái ân vụng trộm, bà Ngọc Cầu đã mang thai với ông anh đồng đường và sinh ra một công tử. Loạn luân! Đối với bá tánh thì tội phải ném đá, hành hạ... nhưng tại Vương phủ này thì lại được xem như chuyện bình thường! Và Công nữ Ngọc Cầu nghiêm nhiên trở thành một cung phi được sủng ái bậc nhất trong phạm vi tả hữu hành lang. Anh em của Ngọc Cầu đều được Vương trọng dụng ban quyền cao, lộc hậu: Nguyễn Phúc Viêm (anh bà) làm Chưởng thủy cơ, Nguyễn Phúc Nghiêm (em Viêm) giữ

chức Nội hữu, Chưởng dinh quân Bộ Lại, Bộ Binh, lãnh Tả phủ Chưởng phủ sự dinh Quảng Nam. Hai anh em Viêm – Nghiêm là hạng người tầm thường. Viêm lười biếng, chỉ biết rượu chè, Nghiêm xa hoa, hiếu sắc, hậu phòng có tới trăm người, quanh năm chỉ biết rượu và gái đẹp.

Công tử con của Võ Vương với Ngọc Cầu đặt tên là Nguyễn Phúc Thuần. Mặc dù được cậu che chở, nhưng Võ Vương không thoát khỏi mặc cảm loạn luân, vì vậy Vương đã cho nuôi nấng Thuần một cách lén lút ở hậu cung và dĩ nhiên Thuần không được lập làm kế tử như mong muốn của Ngọc Cầu.

Nguyễn Phúc Thuần không được lập làm kế tử vì kết quả của một cuộc hoan lạc bất chính, hơn nữa, theo quy định Vương phủ việc lập kế tử đã được chọn lựa và đã quyết định rồi.

Theo nguyên tắc công tử Chương (con cả Võ Vương) là kế tử. Chẳng may, Chương thọ bệnh đã thất lạc, con của Chương còn quá nhỏ nên Võ Vương chọn người thứ hai là Nguyễn Phúc Luân (tức là hoàng khảo của vua Gia Long sau này) làm kế tử.

Để Luân có thể kế nghiệp chúa một cách vẻ vang, Võ Vương đã mời hai vị có tài năng và đức độ đến dạy dỗ. Đó là Nội hữu Cai cơ Trương Văn Hạnh (được phong làm Thái phó) và Thị giảng Lê Cao Kỳ. Việc mời hai ông Trương và Lê lo vấn đề giáo huấn cho kế tử được các triều thần đứng đắn vui mừng thì lại làm cho Ngoại tả Trương Phúc Loan lo ngại.

Hai vị huấn đạo Trương – Lê càng cố công trong đào tạo Nguyễn Phúc Luân bao nhiêu thì càng làm trở ngại cho việc “phò ấu chúa” trong tay bà Ngọc Cầu của Trương Phúc Loan bấy nhiêu. Do đó, trong tâm trí đen tối của Loan nảy ra ý đồ hãm hại những bậc trung thần này.

Ngày Võ Vương mất, Nguyễn Phúc Thuần mới mười hai tuổi. Lúc đó ai cũng tưởng là đệ nhị công tử Nguyễn Phúc Luân, đương kim kế tử sẽ lên kế ngôi vương, không ngờ trong nội cung đang có âm mưu khác.

Ngoại tả Trương Phúc Loan cùng thái giám Chữ Đức và Chưởng dinh Nguyễn Cửu Thống mật bàn việc giành ngôi cho công tử thứ 16 là Nguyễn Phúc Thuần (còn có tên là Hân). Vì lễ Thuần có giữ được ngôi chân chủ thì Loan mới thực hiện được ý muốn của mình. Từ tham vọng quyền uy, một kế hoạch đen tối được tiến hành...

Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh được mời vào Di Nhiên đường bàn việc cơ mật đã bị giết ngay trong ấy. Thị giảng Lê Cao Kỳ bị một thích khách đâm chết ngay bên án thư nhà mình. Thái Giám Chữ Đức thân hành đem quan lính lên Dương Xuân bắt kẻ tử Nguyễn Phúc Luân tổng ngục... Tất cả thân thích của ba người trên đều bị lùng bắt và tổng ngục. Chỉ còn ông giáo Hiên là bạn tâm phúc của Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh chạy thoát được (sau này ông là người cộng sự đắc lực của Nguyễn Huệ).

Từ một cuộc loạn luân dẫn đến một hành động soán đoạt chuyên quyền giẫm lên xác của ba nhân vật quan trọng của quốc gia. Tội ác đẫm máu ấy đã bắt đầu trang sử về sự sụp đổ của triều đại các chúa Nguyễn ở xứ Đàng trong.

(Viết theo Mộng Kinh sư và Gia phả triều Nguyễn)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 7 -

BÀ VÃI VÂN DƯƠNG

Chúa Nguyễn Phúc Khoát (Võ Vương) có 18 con trai và 12 con gái. Người con gái trưởng phương danh là Ngọc Huyền, nổi tiếng nhất trong các hoạt động giúp nhà Nguyễn. Mẹ bà người họ Tống, bà hạ giá cho quan Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống.

Năm Giáp Ngọ (1774), Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc vào đánh Phú Xuân, ông Thống chết, bà rất đau buồn bèn cạo đầu đi tu ở Vân Dương. Vì thế người ta gọi bà là bà vãi Vân Dương.

Hơn mười năm sau, quân Tây Sơn giải phóng Phú Xuân khỏi tay quân Trịnh (1786), lăng tẩm của dòng họ Nguyễn bị quật phá tan tành, bà rất đau xót. Từ đó bà nuôi chí chống lại Tây Sơn. Bà sai người con rể là Nguyễn Đức Tuấn đi khuyến dụ nhân dân tìm mọi cách bảo vệ các tôn lăng. Nguyễn Đức Tuấn, người làng Cư Chánh đã làm theo lời bà và đã thành công trong việc giữ gìn được một phần hài cốt của Nguyễn Phúc Luân (thân sinh Nguyễn Ánh) để sau này lập công với Gia Long.

Năm Tân Hợi (1791) bà cử người đi thuyền vào Gia Định tâu cho Nguyễn Ánh biết sự động tĩnh và binh lương của Tây Sơn ở Phú Xuân, đồng thời dâng lên một tập Hoài Nam Ca khúc của Hoàng Quang (người xã Thái Dương) sáng tác, nội dung cho Ánh biết lòng dân vẫn còn có người hướng về dòng họ Nguyễn. Được tin ấy Ánh rất vui mừng, cử ngay người về Phú Xuân, ẩn trú trong nhà bà để hoạt động... Đức Tuấn được giao tiền bạc đi chiêu dụ dân chúng, nhất là binh tướng của Tây Sơn. Nguyễn Ánh còn giao cho bà nhiều giấy tờ không chỉ có dấu triện của Nguyễn Vương (tức Nguyễn Ánh) để bà tùy cơ điền tả vào mà ban cấp.

Việc làm của bà không may tiết lộ ra ngoài. Quân Tây Sơn đến vây nhà. Lúc ấy người của Ánh đi vắng, không bắt được ai, quân Tây Sơn lấy một ít của cải của bà rồi rút đi.

Năm Đinh Tỵ (1797), quan bộ binh của Tây Sơn là Nguyễn Đại Phát đi trấn thành Qui Nhơn, bà dò biết ông Phát đã mệt mỏi với nhà Tây Sơn, liền sai Đức Tuấn đi theo tiễn chân. Đến đoạn đường vắng, Đức Tuấn đọc cho ông Phát nghe một câu của ông Khoái Triệt ngày xưa:

- *“Thời hồ thời hồ bất tái lai”.*
(Thời gian và cơ hội không trở lại lần thứ hai)

Hiểu ý, ông Phát “ngúc đầu” một cái rồi hai bên bái biệt nhau. Về sau ông Đại Phát theo Nguyễn Ánh.

Ông Lê Chất, người quê Phù Mỹ (Qui Nhơn) là một đô đốc có tài của Tây Sơn. Khi nội bộ nhà Tây Sơn rối loạn, ông lấy làm buồn, giả vờ chết rồi trốn lên ẩn tại núi Trà Đồng (!). Biết chuyện bà Ngọc Huyền sai người đến khuyến dụ, Lê Chất về đầu Nguyễn Ánh và sau trở thành công thần Nhà Nguyễn được phong tước quận công.

Năm Canh Thân (1800) quân Tây Sơn tập trung vây thành Qui Nhơn, thành Phú Xuân bỏ trống. Bà Huyền cho người khảo sát tình hình, vẽ bản đồ chỉ thị hình thế cửa biển Tư Dung (tức Tư Hiền) và cửa Eo (tức Thuận An) giao ông Phạm Hữu Tâm theo đường núi vào tìm nơi đóng quân của Nguyễn Ánh, giao tận tay cho Ánh. Do tin tức của bà Huyền nên Nguyễn Ánh mới có ý định đánh Phú Xuân trước khi giải vây thành Qui Nhơn.

Như trên đã tường thuật, quan bộ binh của Tây Sơn là Nguyễn Đại Phát, qua sự vận động khéo léo của người nhà Ngọc Huyền, đã ngầm theo Nguyễn Ánh, cho nên khi vào trấn thành Qui Nhơn, bề

ngoài ông là quan Tây Sơn nhưng trong lòng thì đã nghĩ đến chuyện khác... Biết rõ thâm tâm của ông, bà Ngọc Huyền nhờ Đoàn Văn Cát khiến chị của Đại Phát cầm sắc chỉ của Nguyễn Vương vào Qui Nhơn dụ Phát đầu thú quân Nguyễn. Nhận được sắc chỉ, Đại Phát cùng với Tổng quân Lê Văn Thanh xin nạp thành Qui Nhơn.

Bà Ngọc Huyền là tai mắt của Nguyễn Ánh tại Phú Xuân, bà đã lập nhiều công lớn đối với người sáng lập ra triều Nguyễn.

Khi khôi phục được Phú Xuân, Nguyễn Ánh đã cho rước bà đến ngay thuyền Ngự, hai cô cháu ôm nhau khóc nức nở.

Bà được Nguyễn Ánh trọng thưởng. sau khi lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, Nguyễn Ánh vẫn thường lui tới thăm phủ của bà ở Vân Dương. Đến năm Gia Long thứ VIII, bà mất, thọ 72 tuổi, an táng tại làng Dương Xuân.

Lai lịch và hành tung của bà Ngọc Huyền góp một ít tư liệu lịch sử cho việc nghiên cứu sự suy tàn của nhà Tây Sơn.

(Viết theo Tiên Nguyên Loát Yếu Phổ)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 8 -

CƠN VUA MÀ LẤY HAI CHỒNG LÀM VUA

Sau 26 năm lưu lạc, ngày 15 tháng 6 năm 1801, được sự trợ chiến của đại bác và tàu đồng của phương Tây, Nguyễn Ánh đã trở lại đô thành Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh lúc này đã bỏ ngai vàng, ẩn tín, sắc phong (của Nhà Thanh) chạy ra miền Bắc bằng đường núi với hai ngàn lính và 60 thớt voi. Người vợ trẻ của ông là công chúa Ngọc Bình cùng một số cung nữ không kịp theo vua đều sa vào vòng tay của quan quân Nguyễn Ánh. Cơn ác mộng đầu tiên phủ ngay lên bà Ngọc Bình.

Ngồi ẩn mình trong cung, bà Ngọc Bình nghe có tiếng chân người đi về phía mình. Nhìn kỹ bà thấy một người đàn ông tráng kiện uy nghi sừng sững trước mặt và cúi chào một cách lịch sự. Bà thẳng thốt kêu:

- Đây tướng quân Gia Định, người muốn gì ở ta?

Người được gọi là “tướng quân Gia Định” (tức Nguyễn Ánh, tiến quân từ Gia Định ra) cười và đáp:

- Không can chi đâu, bà đừng sợ. Tướng Gia Định cũng là người và có lẽ sẽ nhân từ hơn tướng Tây Sơn...

Bà Bình lặng thinh. Vị tướng Gia Định nói tiếp một cách bóng bẩy:

- Dù triều đại có đổi thay như thế nào đi nữa thì cung điện này cũng vẫn là của bà.

Bà Bình đã lấy lại bình tĩnh, đáp một cách cương quyết:

- Nhưng thưa tướng quân, đối với chúng tôi, cung điện này chỉ còn là một nhà tù.

Nói xong bà ôm mặt mà khóc. Nét mặt bà càng khổ đau càng quặn rũ làm cho vị tướng “Gia Định” mềm lòng say đắm. Chung quanh bà tỏa ra một mùi hương khêu gợi khiến vị “tướng Gia Định” dù đã từng trải da thịt mỹ nhân cũng cảm thấy lạ đến ngây ngất... Vị tướng gượng giọng cố giữ bình tĩnh để an ủi người đẹp rồi nén lòng lui ra...

Bà Ngọc Bình ở lại nội cung với nỗi sợ hãi khôn lường.

Một khoảnh khắc không lâu, vị “tướng Gia Định” trở lại nội cung với trang phục uy nghi, vương hiệu lóng lánh trên ngực áo... Bà Ngọc Bình nhận ra ngay đó là Nguyễn Vương, người cừu địch của nhà Tây Sơn. Nỗi sợ hãi càng tăng thêm, bà ôm mặt kêu rú lên... Nguyễn Vương đến gần bên nhẹ nhàng vỗ về:

- Bà là một hoàng hậu tuyệt vời! Mặc dù có những đổi thay lịch sử, nhưng nước Nam vẫn y nguyên như cũ. Xin hãy khuây khỏa, dẹp mọi sợ hãi, ưu phiền. Cung điện lâu đài này vẫn thuộc về bà!

Biết không thể nào ngăn được ước muốn của Nguyễn Vương, bà Ngọc Bình (em của Ngọc Hân Công chúa) đành phải xuôi theo số phận...

Năm 1802, Nguyễn Vương lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, bà Ngọc Bình đứng trong hàng thứ phi.

Phải chăng là trò chơi định mệnh? Nguyễn Huệ Quang Trung, chồng Ngọc Hân Công chúa, Nguyễn Ánh Gia Long, lấy bà Ngọc Bình, hai kẻ cừu địch không đội trời chung ấy lại trở thành anh em “cột chèo”! Về phần công chúa út của Vua Lê, bà Ngọc Bình lấy hai đời chồng đều làm vua (Cảnh Thịnh và Gia Long). Do đó, dân gian có câu hát:

*“Số đâu có số lạ lùng!
Con vua mà lấy hai chồng làm vua”*

Bà Ngọc Bình làm thứ phi của Gia Long sanh hạ được hai trai là Quảng Oai Công (20-5-1809) và Thường Tín quận vương (20-10-1810).

(Viết theo gia phả họ Nguyễn tài liệu của Việt Thường và Bửu Kế)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 9 -

THOI VÀNG CHIA ĐÔI Ở ĐIỆN PHỤNG TIÊN

Điện Phụng Tiên – tọa lạc trong Hoàng thành Huế, đứng trước Cung Diên Thọ và phía sau Thế Miếu- là nơi thờ kính bốn đời đế và hậu đầu triều Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Theo nghi lễ, các bà trong cung không được đến miếu, do đó nhà Nguyễn làm ngôi biệt miếu này để tuế thời sóc vọng và những ngày khánh tiết các bà có nơi đứng tiến và dâng lễ tế trong buổi kỵ.

Tại Điện này, trước đây trên án thờ vua Gia Long và bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu có đặt một thoi vàng gồm hai phần bằng nhau trên khắc dòng chữ “Thế tổ đế hậu, Quý Mão bá thiên thời tín vật” (Vật làm tin này của hai ngài Đế và Hậu Thế tổ trong buổi dời đổi nhiều nơi cách trở nhau năm Quý Mão (1783).

Sách Đại Nam Chính biên liệt truyện, sơ tập ghi lại sự tích thoi vàng hai mảnh ấy như sau:

Bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, họ Tống. Năm lên 18, Nguyễn Ánh đã cưới bà với đầy đủ nghi lễ truyền thống và tấn phong làm Nguyên Phi. Tính tình cẩn trọng, cử chỉ đoan trang nên bà được Nguyễn Ánh quý trọng. Bà sinh được hai trai. Người con đầu mất sớm, người thứ hai là hoàng tử Cảnh.

Mùa thu năm 1783, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh, phải bỏ Gia Định chạy ra đảo Phú Quốc. Sau đó Nguyễn Ánh phải gọi hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện còn bản thân bôn tẩu sang Xiêm (Thái Lan bây giờ). Trước giờ chia tay, Nguyễn Ánh vội lấy một thoi vàng chặt đôi ra, trao cho bà Nguyên Phi một nửa và căn dặn rằng:

- Con ta đã đi rồi, còn ta cũng sắp chia tay để chạy sang Xiêm. Vậy Phi nên ở lại đây (Phú Quốc) để cung phụng Quốc Mẫu (tức bà Hiếu Khương vợ của Nguyễn Phúc Luân), chưa biết ngày hậu hội là

ngày nào và sẽ tại nơi đâu. Vậy ta để lại vật này (nửa thoi vàng) dùng làm của tin lúc tái ngộ!

Trong những ngày Nguyễn Ánh ngược xuôi đi cầu viện, đánh rồi lại thua, thua rồi lại đánh... bôn tẩu hết Xiêm đến Việt, khi Việt cùng đường lại chạy sang Xiêm, thì bà Nguyễn Phi vẫn một mình hết lòng hầu hạ mẹ chồng. Nhiều lúc tính mạng hiểm nguy ngàn cân treo sợi tóc, bà vẫn bình tĩnh vượt qua. Ngoài việc hầu hạ mẹ già, bà Nguyễn Phi còn thân hành may dệt nhung phục cho quân binh. Cũng có lần quân Nguyễn giáp trận với quân Tây Sơn, thế đối phương mạnh hơn, quân Nguyễn núng thế. Thấy vậy bà đã tự tay nổi trống thúc quân làm cho binh lính Nguyễn hăng hái xông lên và cuối cùng đã thắng lợi...

Sau ngày triều Nguyễn được thành lập, vua Gia Long hỏi bà chuyện thoi vàng năm xưa... Bà ung dung đem vàng ra trình lên. Gia Long vô cùng cảm động, cầm lấy nửa thoi vàng và bảo rằng:

- Vàng này mà còn giữ được, đó thật là ân trời đã giúp cho trong lúc gian nan, chẳng nên quên lãng. Vậy phải để dành về sau cho con cháu biết.

Dứt lời, vua lấy nửa thoi vàng của mình ráp với nửa thoi vàng của bà Nguyễn Phi (lúc đó đã được phong hoàng hậu) rồi trao hết cho bà. Hoàng hậu vâng theo lời dụ, về sau trao lại cho vua Minh Mạng.

Khi Minh Mạng lên ngôi, ông liền đem thoi vàng hai mảnh ấy đưa cho hai vị đại thần Phạm Đăng Hưng và Nguyễn Hữu Thận xem và phán rằng:

- Vàng này là của tin mà đức Thế tổ đã trao cho Hoàng tử (tức Thừa Thiên Cao Hoàng hậu), nay Hoàng tử lại trao cho Trẫm.

Sau đó thoi vàng hai mảnh tin vật này được đưa vào thờ ở Điện Phụng Tiên.

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 10 -

TÂM SỰ VUA GIA LONG VỀ CHỖN NỘI CUNG

Vua Gia Long là người can trường, táo bạo. Ông đã từng đánh đông dẹp bắc, nằm gai nếm mật suốt mấy mươi năm dài mới gây dựng lại được cơ nghiệp nhà Nguyễn, thu tóm quyền lực cả nước trong tay mình. Với một người như thế tưởng chừng như trên cõi trời Nam lúc ấy không thể có một mãnh lực nào dám đi ngược lại ý muốn của ông. Thế nhưng... ai có thể ngờ được trong chốn nội cung đã xảy ra những chuyện thật rối rắm.

Chính vua Gia Long, ông chủ nhân đầy quyền lực của chốn thâm cung ấy đã lắc đầu tâm sự với một triều thần gốc người Pháp là J.B.Chaigneau (Se-nhô) như sau: “Trị nước thật dễ dàng, không khó nhọc bằng trị chốn nội cung của mình”.

Trong một cuộc gặp gỡ riêng, nhà vua nói với Se-nhô: “Ông tưởng rằng sau khi bãi triều, và thanh toán xong mọi việc chính trị và hành chính trong ngày là công việc tôi đã xong và thế là tôi có thể nghỉ ngơi trong hậu cung sao? Ông làm đó. Ông không thể tưởng cái gì đang chờ tôi ở đấy (vua chỉ về phía hậu cung) sau khi tôi ra khỏi nơi này. Ở đây, tôi thích thú vì được nói chuyện với những người hiểu biết, người biết nghe, hiểu tôi và nếu cần vâng lời tôi! Vào trong ấy, tôi gặp phải những con quỷ dữ. Chúng gây gỗ, đánh đập nhau, cẩu xé nhau... rồi sau cùng kéo nhau đến đòi tôi phân xử. Nếu làm đúng thì tôi phải trị tội cả bọn, vì không biết rõ trong cả bọn ấy có đứa nào không độc ác bằng mấy đứa nào!”

Sau một hồi im lặng, Gia L

ông nói tiếp: “Này đây, một chốc nữa, tôi sẽ phải đứng giữa một bầy quỷ cái, chúng nó sẽ gào thét làm tôi điếc cả tai”. Nhà vua giả giọng một người đàn bà đang cơn giận giữ: “Xin Ngài xét cho, xin Ngài xét cho! Con ấy nó chửi tui, nó xài xể tui, xin Ngài xét cho!”. Một tá khác, lát nữa sẽ đến rĩ vào tai tôi: “Hoàng đế bỏ tui, con kia được lòng

Hoàng đế, tui đòi xin phần tui!”.

Bỗng nhà vua cười ha hả, rồi nhìn vào kẻ đối thoại với mình như để hỏi một ý kiến. Ông quan người Pháp, trước đó đã cười nôn ruột về cái điệu bộ đóng trò của vua và tiếng hét của nhà vua nhại lại sự lồng lộn của các bà vợ, liền nói:

- Tâu, Hoàng đế không phải khó nhọc để đỡ bớt sự phiền hà của mình bằng cách hạn chế số cung phi?

- Xuyt! – Vua ngắt lời – Ông hãy nói nho nhỏ, hãy nói nho nhỏ. Rồi vua truyền cho bọn quân hầu và thị vệ lui ra, đoạn nói tiếp: “Này, ông S...(C...) ời, nếu các quan đồng triều mà nghe được những lời ông vừa nói đó, thì họ sẽ trở thành kẻ thù của ông ngay. Thì ra ông không biết, vua nói tiếp, rằng các phi, tần hầu hết đều là con gái các quan sao? Đây này, cách nay không lâu, một ông đòi dâng con gái cho tôi, mặc dầu tuổi tác của tôi, tôi đã không thể từ chối, vì nếu làm như vậy thì tôi sẽ làm cho ông ta tức giận vô cùng. Ở đây, là một vinh dự khi một ông quan có được một cô con gái tiến vào nội cung và đối với tôi, đó là một bảo đảm về lòng trung thành của ông ta. Tôi muốn có sự êm thấm với mọi người, nhất là với đàn bà, vì họ đáng sợ hơn đàn ông! Nếu tôi bỏ bê một nàng, cô ta sẽ lập tức phản nản với cha mình, và ông này, nếu không nguyên rửa sự già yếu của tôi, thì cũng sẽ tìm cách gieo rắc một cách khéo léo giữa các bạn đồng liêu những tiếng xì xào làm cho tôi trở thành trò cười trước mắt dân chúng”.

Ngoài hai bà hậu là Thừa Thiên (mẹ hoàng tử Cảnh) và Thuận Thiên (mẹ vua Minh Mạng), vua Gia Long còn sắc phong cho bà Lê Thị Ngọc Bình (con vua Hiến Tông và là em Ngọc Hân công chúa) làm đệ Tam cung.

Vua Gia Long có tất cả 13 người con trai và 18 người con gái, không kể năm người con trai là Chiêu, Xương, Khải, Đại, Nhật đã chết sớm. Nếu so với các vua Minh Mạng và Thiệu Trị thì Gia Long là ông vua có số con ít nhất.

(Viết theo Đức Chaigneau Souvenirs de Huế - 1864 và R.Orband,
Les Tombeaux des Nguyễn, 1914)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 11 -

TRÁCH NHIỆM CỦA CON

Vua Gia Long có một người chị cùng cha khác mẹ là bà Ngọc Du. Năm 1788, bà Ngọc Du hạ giá cho Võ Tánh, ông này làm quan đến Hữu Quân. Năm Tánh tuần tiết ở Qui Nhơn (1801) đã có với bà một người con trai là Võ Khánh và hai người con gái. Sau ngày khắc phục được cựu kinh, Gia Long đã xây phủ đệ cho bà tại làng Xuân Hòa để bà an dưỡng tuổi già.

Bà Ngọc Du là thái trưởng công chúa, chồng là Võ Tánh có võ công oanh liệt, em là vua Thế Tổ đang trị vì, trong xã hội ít người có thể như bà. Bởi thế khi về già tính tình bà rất khó chịu, bà xem thường tính mạng, của cải của nhân dân. Người ở chung quanh phủ đệ của bà kêu trời không thấu. Tính tình của bà dần dần ảnh hưởng đến bọn giúp việc trong nhà. Bọn này lợi dụng thế lực của bà ra đường ức hiếp nhân dân. Nhiều người bị oan ức quá liều mình đến phủ kiện với bà, bà ngoảnh mặt làm thính. Bọn giúp việc được bà che chở ngày càng làm già.

Đến thời vua Thánh Tổ trị vì (1820), chuyện người trong phủ đệ bà Ngọc Du hiếp đáp dân chúng đến tai vua. Vua Thánh Tổ nổi giận bèn gọi con trai của bà là Kinh Xa Đô úy Võ Khánh đến trách rằng:

- Nước có điển hình (luật pháp), sao người không khuyên răn mẹ để cho mẹ làm những điều ác đức?

Võ Khánh sợ hãi thưa rằng:

- Nhờ phép nước can ngăn, chứ con không thể khuyên can được mẹ?

Vua bảo rằng:

- Mẹ ngươi tuy là Thái trưởng công chúa, nhưng sinh ra lớn lên trong thời chinh chiến không được học hành, khi giang sơn được khắc phục thì đã lớn tuổi, lại góa bụa làm sao học được nữa. Người là người có ăn học, được dạy dỗ lại làm đến kinh xa đô úy, điển lễ nắm trong tay tại sao người không khuyên can mẹ để cho mẹ làm càn quấy phải chịu tiếng xấu với thần dân? Làm con thờ cha mẹ phải nên lấy lời nói dịu dàng can ngăn ở lúc việc chớm phát, để cho cha

mẹ đừng mắc vào điều phi nghĩa, người không làm thế thì những sai lầm của mẹ nhà người phải chịu trách nhiệm!

Võ Khánh cúi đầu nhận lỗi.

Về nhà Khánh kể lại chuyện bị quở phạt với mẹ, thái trưởng công chúa Ngọc Du nghe chuyện rồi khóc. Từ đó bà thay đổi cách đối xử với dân. Nhân dân Xuân Hòa lấy làm mừng.

Thường tình chỉ nghe chuyện mẹ dạy con, còn chuyện con phải khuyên răn mẹ có lẽ xưa nay hiếm.

(theo ĐNLT, ĐNLT và sách Võ Tánh của Hồ Văn Trung)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 12 -

CHỨC TƯỚC CỦA CÁC BÀ TRONG CUNG NGUYỄN

Nhiều người nói và viết về các bà vợ vua Việt Nam dưới triều Nguyễn, nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào chính thức công bố cho biết các vua Nguyễn có bao nhiêu vợ, đẳng cấp phẩm tước như thế nào? Ở Trung Quốc, các đời đế vương thường lập sáu cung thành hai dãy: một cung ở phía trước, năm cung ở phía sau. Bà chính ở riêng một cung, ba bà phụ nhân ở một cung, chín bà Tân ở một cung, hai mươi bảy bà Thế phụ ở một cung, tám mươi một người ở một cung, cả thảy 121 bà đều là vợ vua (Theo “Tù Dũ Hoàng Thái Hậu”, Nguyễn Liên Phong, 1913, trg 17).

Tại Việt Nam, từ triều Minh Mạng, các bà trong cung cũng được sắp xếp theo cửu giai giống như cửu phẩm trong ngạch quan lại.

Nhất giai Phi

Nhị giai Phi

Tam giai Tân

Tứ giai Tân

Ngũ giai Tiếp Dư

Lục giai Tiếp Dư

Thất giai Quý Nhân

Bát giai Mỹ Nhân

Cửu giai Tài Nhân

Dưới Tài Nhân là Tài Nhân vị nhập giai (những người đang chờ đợi được tuyển vào làm Tài Nhân), dưới nữa là cung nga, thể nữ (tức là kẻ hầu người hạ) gọi chung là cung nhân.

Đứng đầu các bà Phi là Hoàng Quý Phi (tức vợ chính của vua). Nhà Nguyễn (trừ triều Gia Long và Bảo Đại) không lập Hoàng Hậu, các bà phi chỉ được truy phong hoàng hậu lúc chết.

Cách xưng hô các bậc từ Tiếp Dư trở lên gọi bằng “bà”, từ Quý Nhân trở xuống chỉ được gọi bằng “chị”.

Chỗ ở của các bà vợ vua đều tập trung trong Tử-Cấm-Thành, các cung, viện của các bà thường được gọi chung là Tam Cung Lục

Viện.

Theo cách trình bày ấy, những chỗ ở của các bà vợ các đời vua triều Nguyễn có một vài điểm hơi khác. Căn cứ trên thực tế, các cung, các viện dành cho các bà vợ vua trong Tử Cấm Thành, ta thấy có:

- Cung Khôn Thái là một cụm kiến trúc làm từ đầu triều Gia Long (1804), có điện Quang Minh Trung Chính ở phía sau điện Càn Thành (chỗ vua ở) cách một cái sân. Bà Hoàng Quý Phi ở đây.

- Bên phải cái sân nằm ngăn giữa điện Càn Chánh và điện Càn Thành có điện Trinh Minh xây năm 1810 (thời Gia Long) nơi ở của các bà nhất và nhị giai Phi; các bà Tân (tam và tứ giai Tân) ở viện Thuận Huy, tọa lạc phía tây của sân sau điện Càn Thành. Các bà Tiếp Dư (ngũ giai và lục giai Tiếp dư ở viện Đoan Huy) ngay phía tây điện Cao Minh Trung Chính của cung Khôn Thái. Viện này xây năm 1827 đời Minh Mạng. Các bà thuộc hạng Thất giai Quý Nhân, Bát giai Mỹ Nhân, Cửu giai Tài Nhân, các bà chưa nhập giai cùng tất cả các cung nhân chia nhau ở các viện còn lại: như Đoan Trang (phía sau và thẳng góc với điện Thuận Huy) xây năm 1827; viện Đoan Thuận, nằm phía sau và song song với viện Đoan Huy, làm năm 1830, viện Đoan Hòa, gồm hai dãy ở phía tây và song song với điện Kiến Trung sau này.

Đời Thành Thái xây dựng ở khu vực phía sau điện Võ Hiển và điện Trinh Minh một số kiến trúc có tên chung là Đông Kinh Các theo kiểu thức miền Bắc dành cho các Phi, Tần và Cung nữ.

Tất cả những di tích này đều đã mất.

Ngoài Tam Cung, Lục Viện Đông Kinh Các... còn đặt ra Lục thượng do các nữ quan coi sóc nhằm phục vụ các nhu cầu hàng ngày của vua. Lục thượng gồm có: Thượng Cung, Thượng Nghi, Thượng Phục, Thượng Thực, Thượng Tẩm, Thượng Công. Đứng đầu mỗi Thượng là các bà vợ vua có phẩm tước cao. Chẳng hạn, dưới thời Thiệu Trị bà Từ Dũ giữ chức Thượng Nghi kiêm cai quản các bà trong Lục Thượng.

Thâm cung triều Nguyễn gồm các bà mẹ vua, những người phục dịch vua và các bà vợ vua... tất cả tạo thành một xã hội nhỏ. Đặc điểm của xã hội này là, trừ các thái giám, chỉ có một người đàn ông là vua, số còn lại là đàn bà...

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 13 -

LAI LỊCH BÀ HIỀN PHI HỌ NGÔ

Vua Minh Mạng có hàng trăm bà phi, nhưng chỉ có hai bà sinh được nhiều con vì được vua sủng ái hơn cả. Đó là bà Hiền Phi Ngô Thị Chánh và bà Lệ Tân Nguyễn Gia Thị.

Lai lịch của bà họ Ngô có liên quan đến một vài bí ẩn của khúc quanh lịch sử từ Tây Sơn qua nhà Nguyễn, cho nên mẫu chuyện nhỏ này dành viết về bà.

Bà Ngô Thị Chánh là trưởng nữ của danh tướng Ngô Văn Sở. Sở nguyên là tướng của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Năm Đinh Vị (1787) làm tham tán quân vụ cho Vũ Văn Nhậm đem quân ra Bắc đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Sau khi trừ được Chỉnh thấy Nhậm có ý mưu phản, Sở mật thư cho Nguyễn Huệ, sau đó Nhậm bị giết, người thuộc dòng nhà Lê được lập nên làm Giám Quốc. Sở được giao trọng nhiệm trấn thủ Bắc Hà. Năm Kỷ Dậu (1789) được lệnh đưa vua giả sang chầu vua Càn Long nhà Thanh ở Yên Kinh; năm Ất Mão (1795) được lệnh trở lại Bắc Hà sau đó bị triệu về Phú Xuân và bị hãm hại trong một cuộc tranh quyền của triều thần đời vua Quang Toản (1795)... Theo một số tư liệu liên quan đến nhà Tây Sơn thì Ngô Văn Sở đã bị thuộc hạ của Võ Văn Dũng bắt và dìm xuống nước chết.

Sau cuộc tranh quyền trong triều thần đời Quang Toản nhiều nhân vật từng phò Tây Sơn bỏ trốn vào Nam theo Nguyễn Ánh. Số người này đã lập được nhiều chiến công nên rất được Nguyễn Ánh tin dùng.

Một trong những người đó là tướng Ngô Văn Sở (nhưng không ai hay, vì có lẽ Sở đã về hàng Nguyễn Ánh dưới một cái tên khác). Cuối

năm Kỷ Mùi (1799) Sở cùng Võ Tánh giữ thành Bình Định. Thành bị quân Tây Sơn vây, một số binh tướng mở cửa thành ra đầu hàng Tây Sơn. Võ Tánh đã cử Ngô Văn Sở ra đóng cửa thành, nhờ thế đã ngăn được những cuộc nổi loạn và đầu hàng của quân Nguyễn.

Nhưng sau đó thành Bình Định cũng thất thủ, Ngô Văn Sở chạy thoát rồi trà trộn vào dân tìm đường về với Nguyễn Ánh.

Sau khi diệt được nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long, dưới một cái tên khác, Ngô Văn Sở được cử làm Quản đạo trấn Thanh Hoa ngoại (sau này là tỉnh Ninh Bình).

Trong chiến dịch trả thù nhà Tây Sơn, Gia Long phát hiện ra người đứng đầu và có công ở Thanh Hoa ngoại lại chính là một trọng thần của Tây Sơn, đó là danh tướng Ngô Văn Sở. Sử nhà Nguyễn, Liệt Truyện chép vì Sở làm việc lâu ở đó lại giỏi nên Gia Long tha cho tội chết, chỉ cách chức mà thôi. Thực ra, Sở được tha tội chết không phải vì Sở giỏi trung thành với nhà Nguyễn mà còn vì một lý do khác nữa...

Ngô Văn Sở, nguyên là người huyện Đăng Xương (Phủ Thừa Thiên-Huế) sau vào ở làng Thuận Nghĩa, Gia Định. Trong thời gian làm quan ở Thăng Long (dưới thời Tây Sơn) ông đã kết duyên cùng bà Nguyễn Thị Dích, sinh con gái đầu lòng đặt tên là Ngô Thị Chánh. Lớn lên, cô Chánh là người đoan trang nét ngọc, ăn nói dịu dàng, cần mẫn, thông minh.

Tiếng lành đồn xa... Khi hoàng tử Đảm con thứ tư của Gia Long, đến tuổi lập phủ thiếp cô Chánh được chọn sau cô Hồ Thị Hoa, người gốc Gia Định. Bà Hoa sinh ra Miên Tông (sau này là Thiệu Trị) năm 1807, tiếp đó bà Chánh sinh ra Miên Chính. Nhưng chẳng may Chính mất khi vừa chào đời. Năm 1811, bà Chánh lại sinh hoàng tử Miên Hoảng (hoàng tử thứ năm). Sáu năm sau, 1817, bà sinh hoàng tử Miên Áo (thứ sáu). Qua số hoàng tử sinh ra ta thấy vua Minh Mạng đã sủng ái bà Chánh là dường nào! Đến năm 1828 bà Chánh sinh

hoàng tử Miên Quân (thứ 40), năm 1833 bà sinh Miên Uyển (hoàng tử thứ 60)... Hơn hai mươi năm trời từ thuở còn tiềm ẩn cho đến khi được chọn làm hoàng thế tử (1816), cũng như lúc lên ngôi (1820) vua Minh Mạng chưa hề rời xa bà Chánh. Ngoài năm hoàng tử, bà Chánh còn sinh được bốn công chúa (Ngọc Tôn, An Phù, Lộc Thành và Đoan Thục).

Dưới triều Minh Mạng, trong cấm cung có hàng trăm cung tần mỹ nữ, phần lớn là con của các quan đại thần có thế lực, thế mà bà Chánh lại chiếm phần ưu thế trong trái tim của vị vua tiêu biểu cho quyền lực nhà Nguyễn. Thật là một điều lạ!

Ngô Thị Chánh là một bà Hiền tần được vua Minh Mạng dành cho những ân sủng chưa từng có đối với các bà khác trong nội cung nhà Nguyễn...

Thật vậy, khi bà Chánh còn sống, vua Minh Mạng đã tả một bài sắc tấn phong bà Chánh làm Hiền Phi lời lẽ rất trang trọng “Đoái tưởng Hiền Tân họ Ngô, con dòng của giống, xứng trang nghi phạm trong sáu cung! Nàng theo trẫm từ lúc tiềm ẩn (1) đến bây giờ (2) hơn ba mươi năm (3) khi phong tiêu, khi viện quế, khi gối phụng, khi màn loan, đỡ tráp nâng khăn, đoan trang nét ngọc, thức khuya dậy sớm, châu chực ven màn. Càng sùng quyền chường nào lại càng khiêm thuận chường này. Vậy nên, lệ ban gia mới định, liền chiếu luật gia phong”.

Những ngày son trẻ, bà Hiền Phi họ Ngô thường nũng nịu với vua rằng: “Dù vua có thương thiếp bao nhiêu đi nữa thì đến khi chết, thiếp cũng chỉ ra đi hai tay không mà thôi!”. Vì thế, khi bà mất, vua Minh Mạng đã thân hành đến tận chỗ bà nằm, cầm theo hai nén bạc, truyền thái giám mở hai bàn tay bà ra, vua đặt hai nén bạc vào đó rồi bóp lại. “Đó, trẫm cho khanh cái này để khỏi ra đi hai tay không” vua nói, về xúc động (có người nói là hai nén vàng).

Khi bà Hiền Phi mất, vua Minh Mạng rất thương tiếc. Vua Thiệu Trị (con Minh Mạng) hiểu lòng cha nên vào năm 1843 đã lập một đền chính đường ba gian, hai chái tả hữu, thờ bà Hiền Phi họ Ngô tại xã

Phú Xuân.

Không kể người mất lúc mới sinh, bốn con trai của bà Hiền Phi đều có chức tước lớn: Vĩnh Tường quận vương (Miền Hoằng), Phú Bình công (Miền Áo), Hòa Quốc công (Miền Quần), Quảng Hóa quận công (Miền Uyển).

Việc có tình nghĩa nhất của vua Minh Mạng đối với bà Hiền Phi là sự kiện: năm 1822, vua phục chức cho nhạc phụ là cựu tướng Ngô Văn Sở chức Chưởng Cơ đã từng bị tước dưới triều Gia Long (có lẽ vì Gia Long phát hiện được rằng: họ Ngô, một danh tướng của Tây Sơn về hàng lại giấu không khai chức tước và họ tên thật?). Vua Minh Mạng còn phong cho em bà Hiền Phi là Ngô Văn Thắng làm quan với chức Cai đội.

Người đời bàn rằng: giá như vua Gia Long với cựu tướng Ngô Văn Sở không có tình thông gia, chắc chi Ngô Văn Sở đã tránh được cái chết vì mối thâm thù của Gia Long đối với nhà Tây Sơn!

Phải chăng, dưới triều Gia Long, Ngô Văn Sở đã tránh khỏi tội chết vì có chàng rể là một thế tử của vị vua đương triều?

(Viết theo Liệt Truyện, Gia Phả triều Nguyễn, Tài liệu tại Phủ thờ ông Vĩnh Tường Quận Vương số 42 A Nguyễn Chí Thanh Huế)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 14 -

BÀ THỰC TÂN DẠY CON

Lúc mới sinh, Miên Thẩm (sau là Tùng Thiện Vương) ít ngủ, nhiều đêm khóc thâu canh. Các ngự y cho rằng “Ngài Mười” mắc chứng “Dạ đề”. Bà Thục Tân đã không quản nhọc nhằn tự mình chăm sóc, nuôi con.

Lên ba tuổi (1821) Miên Thẩm mới bắt đầu có sức khỏe tương đối: biết nói, biết đi vững vàng. Chiều chiều bà Thục Tân thường dắt con đi dạo trong các trường lang, qua hết viện nọ đến cung kia, vừa để cháu bà nội, vừa tập cho con quen với nắng gió.

Bà Thục Tân là một người điềm đạm, giản dị, không ưa thích đồ trân châu, cành vàng, lá ngọc, bà chỉ thích thiên nhiên: quanh viện Đoan Trang có đủ các thứ hoa, lan... bốn mùa lúc nào cũng có hoa nở, hương thơm, lá xanh một góc trời. Lá ngập quá đầu, người đi như lội giữa nước hồ nhấp nhô sóng lượn...

Một ngày như mọi ngày, buổi sáng, buổi chiều, trang điểm xong, bà Thục Tân thân hành đi lấy mồi cho chim ăn. Bầy chim thấy bà chủ, bay nhảy, đập cánh kêu hót líu lo mừng rỡ. Tiếng chim vang xao động bầu không khí thanh tĩnh của viện Đoan Trang. Chim ăn xong, bà xách nước tưới hoa. Tưới xong, bà lấy cây bút lông cũ chấm nước nhẹ nhàng rửa từng lá lan, hết khóm này đến giò khác...

Trong khi mẹ chăm sóc chim, tưới hoa, rửa lan Miên Thẩm lúc thúc theo chân mẹ... Sợ Miên Thẩm quàng chân vấp ngã, bà Thục Tân nẩy ra sáng kiến sẵn cây bút rửa lan còn ướt viết vào thềm đá những chữ lớn rồi bảo Miên Thẩm đi lượm sỏi đá sắp vào thật nhanh, nếu chậm là nước khô chữ mất nét. Bằng cách này bà Thục Tân đã vừa dạy khai tâm cho con vừa dứt được chuyện cậu bé cứ níu áo lần quần theo chân mẹ... Miên Thẩm thích thú lượm sỏi sắp vào ngay.

Hôm đầu tiên, Miên Thẩm vừa sắp vừa đọc theo mẹ.

- Nhất là một, nhị là hai, tam là ba.

Hôm sau, lại vừa sắp vừa đọc:

- Khẩu là miệng, nhĩ là tai, mục là mắt.
Hôm thứ ba trò đã quên, ngồi chờ mẹ viết... bà Thục Tân bận, chưa viết được, nên bảo con:

- Hãy viết lại những chữ đã học đi con!
Miên Thầm bắt đầu dĩ phải vâng lời mẹ, cậu ngồi yên một chỗ...
Xong công chuyện, bà Thục Tân quay lại “dò bài” thì thấy cậu con đang sắp một cái mặt người. Bà lấy làm lạ, hỏi:

- Con muốn học vẽ à?
Miên Thầm không đáp, cứ hý hoáy sắp cho đủ cả hai tai, hai mắt. Bà mẹ lại hỏi:

- Mấy chữ hôm qua con đã quên hết rồi sao?
Bồng “trò” đứng dậy hỏi “Thầy”:

- Con đồ ả (mẹ) giữa này có những chữ gì?
- Nhân diện là mặt người, có đúng không?
- Con có biết hai chữ ấy đâu!
- Thế thì là những chữ gì?

Miên THẦM vừa chỉ vào giữa mặt người vừa nói:

- Đây là nhất khẩu, đây là nhị mục, đây là nhị nhĩ!
Nghe con nói một cách dí dỏm thông minh bà Thục Tân mừng rỡ ôm con vào lòng hôn lấy, hôn để... Bà sung sướng đặt con ngồi ngay ngắn và dạy tiếp những chữ khác...

Bà Tiệp Dư, sinh mẫu “Ngài Mười một” Miên Trinh ở viện Đoan Chính, nghe tin Miên Thầm đã bắt đầu khai tâm, liền đưa con sang viện Đoan Trang thăm. Hai bà mẹ ngồi nói chuyện và làm thầy bắt hai ông con phải viết ôn, viết tập...

Hai ông hoàng Mười (Miên Thầm) và Mười một (Miên Trinh) con vua Minh Mạng về sau đã trở thành hai nhà thơ lớn thế kỷ XIX của Việt Nam đó là Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương. Thi tài của hai ông đã từng được vua Tự Đức, một ông vua giỏi thơ, khen là: “Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường!” (1).

(1) Thơ mà nói đến Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương thì không còn thời thịnh Đường về thơ ca nữa.

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 15 -

LÒNG HIẾU CỦA CÔNG CHÚA AN THƯỜNG ĐỐI VỚI MẸ

An Thường công chúa, con gái thứ tư của vua Minh Mạng. Bà là người được Tuy Lý Vương khen tặng rằng:
“Thất giới giữ thuần. Tam tông chặt chẽ.

Bốn phương ngắm phục, Nữ chức soi gương”

Sách “Cai Dư Kỷ Thực” của Phan Văn Huy viết dưới thời Tự Đức cho biết: mẹ công chúa là bà Mỹ Nhân Nguyễn Thị Sâm, quê quán Quảng Trị. Bà Sâm được tiến vào Nội lúc vua Minh Mạng còn ở Tiềm đế (nay là cơ quan Tỉnh ủy Thừa Thiên – Huế). Sau khi hoàng tử Đảm (tức vua Minh Mạng) được tấn phong Hoàng Thái Tử ở điện Thanh Hòa (1816), cung Chấn Hanh, được một năm thì công chúa An Thường ra đời. An Thường cùng mẹ với hoàng tử thứ 9 tức Hàm Thuận Quận Công (1819-1859).

Năm 1825, An Thường lên 9 tuổi, bà Mỹ Nhân họ Nguyễn thọ bệnh, công chúa đích thân vào các Cung hầu hạ thuốc thang cho mẹ.

Vào tiết Vạn Thọ, vua Minh Mạng cho các nội cung, các công chúa vào hầu tiệc. Bấy giờ có một viên quan lớn dâng sầm. Vua đem chia cho các công chúa. Ai cũng ăn rất ngon miệng... Vua ngạc nhiên thấy công chúa An Thường cứ ngậm không chịu nuốt! Vua quay lại nhìn, cười và dạy rằng:

- Món này ngon lắm, lại hiếm có. Chẳng những ngon mà còn bổ dưỡng nữa, người ăn không quen à?

Công chúa An Thường liền tránh ra ngoài chiếu, quỳ xuống tâu rằng:

- Thần đã nghe phán dạy, nhưng mẹ thần đang bệnh nặng, nhân buổi khánh tiết không thể đến phụng hầu, thần rất lấy làm buồn. Huống nữa mấy bữa nay mẹ thần ăn ngủ không ngon, hình sắc tiều tụy. Nghe nói món này bổ dưỡng muốn đem về dâng mẹ, nên thần không nỡ nuốt, chứ nào phải ăn không quen.

Vua nghe nói rất cảm kích, khen ngợi lòng hiếu thảo và phán rằng:

- Người hãy cứ ăn sẽ còn phần ban cho mẹ người!

Dứt lời, vua sai nữ quan đem một đĩa đến viện ban cho bà mẹ công chúa An Thường.

Lòng hiếu của công chúa An Thường đã làm cho vua Minh Mạng lưu ý đến bà Mỹ Nhân.

(Theo Liệt Truyện và Cai Dư Ký Thực)

Chuyện các bà trong cung Nguyễn

- 16 -

TÌNH THƯƠNG CỦA CÔNG CHÚA QUI ĐỨC (1824-1892) ĐỐI VỚI CHỒNG

Công chúa Qui Đức biệt hiệu Nguyệt Đình, con gái thứ 18 của vua Minh Mạng, em (cùng mẹ) với Tùng Thiện Vương Miên Thẩm.

Bà Qui Đức là người thông minh nhanh nhẹn, tính nết thuần hậu. Thuở nhỏ học nữ sử ở nội cung, lớn lên bà hay ngâm vịnh và học luật thơ Đường với Miên Thẩm.

Năm mười sáu tuổi (1850) bà hạ giá lấy ông Phạm Thuật (em út bà Từ Dũ).

Công chúa sinh ở chốn thiên gia, lấy chồng nhà thích lý, nhưng vẫn giữ nếp sống khiêm tốn, không hề xa xỉ, khoe khoang. Về sách đọc bà chỉ ưa đồ thư (tức sách học nhà trường) và chư sử (truyện kể). Khi lấy chồng, bà cùng chồng xướng họa thơ, phú và thường có những bài hay được các bậc vương trưởng khen ngợi.

Năm 1861, giặc Pháp đến Nam Kỳ, vua Tự Đức mật chiếu cho ông Phạm Thuật chồng bà, vào Nam phỏng sát. Nhiệm vụ khá nặng nề và nguy hiểm, Phạm Thuật đã hy sinh. Vua Tự Đức rất thương tiếc và hỏi bà rằng:

- Bà cô muốn đưa quan cửu Phò mã về ngay hay đợi cho xong việc, dùng thuyền chở về Kinh hoặc cứ đưa về Gia Định an táng, cho tau rõ thực tình!

Công chúa liền dâng biểu xin cho trạm đưa về Kinh ngụ. Bài biểu này được người đương thời hết lời ca ngợi. Tài năng và tình cảm của công chúa đối với chồng, đối với đất nước đã thể hiện rất rõ qua lời văn.

Sau đây là nguyên văn bài biểu:

“Lang quân tôi, tháng trước vâng mật chiếu, ở chốn cấm môn tới nơi biên cảnh, thơ hoàng ba dò hỏi thương về việc nước lúc rối ren, chốn lữ khách dần dà, mất ở trong khi làm phận sự, chọn tiết làm tôi, không dài tuổi thọ.

Chợt nghe tin dữ huyền minh cảm việc quan (1) đâu dám lánh nạn, Việt Cờ là nghĩa tử (2) tôi đã chẳng được hầu Tử Xa để dưỡng bệnh (3) lại chẳng nghi làm Kiềm lâu mà chủ tan y! Có thể nhẫn được, chỉ có thể cất thoa, bỏ phần đành là mang tiếng suốt đời, dây đứt gương tan, gương ngậm hờn ở giữa đường mà thôi, nhưng mà chàng ở chi hữu, hết hồn yêm chệ để làm bóng ma, thiếp ở Hà Dương giải nỗi khóc than, tay cầm ngọc quyết xót chẳng liên can, khi mộ vãn, khi xuân thụ, xa trông nghìn dặm, nào linh cửu, nào xuyên xa, mẹ già tóc bạc khóa ra hồng, con đỏ lòng son râu áo trắng, giả như những khách qua đường, còn vì thương xót, trừ không phải thân gỗ đá, sao đợi được lâu?

Rất sợ như bóng mặt trời tàn, cây nắm úa, như cỏ non yếu đuối bóng trầu lung lay, chợt gặp nhau ở chốn minh minh, bèn hỏi rõ từng lúc trách lấy nghĩa phu phụ, lấy tình tử sinh, thì tôi lấy gì mà nói lại với người dưới toàn đài, cho khỏi phụ cái công dạy dỗ ở chốn công cung, tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, thì an táng ở Phú Xuân là hơn.

Nay đã vâng sắc mạng ở đài trung suy ra lòng xích tử, nhưng theo người con gái đầy bầu ở bến sông Lại thì còn kém xa (4) .

Cúi xin nghĩ đến việc ngu thần thờ nước, xét đến lòng nghi phụ cáo ai, mong được khinh quan (5) , chớ nên chuyên đạo (6), cho chuyên cửu như chuyện Tử Cự, xin phù tang như Viên Thị (7) . Lần qua quan ải núi rừng, chẳng ngại sóng to gió lớn, thực là nhà vua hậu tứ, không phải thần thiếp dám mong, tôi xin tự xuất 120 lạng bạc để chia cho những trạm phu hộ tống, nếu được đội ơn vua soi xét, tôi không những làm con chim ngậm đá lấp bề Đông khi sóng gió, lại xin làm người kết cỏ buộc quân dịch ở chốn cương trường”.

Vua Tự Đức xem biểu thấy tình tứ ai thiết, chuẩn cho. Ban chiếu cấp cho phu trạm đưa quan tài về Kinh.

Công chúa làm một sanh phần cạnh mả ông Thuật để ở. Từ bấy giờ thê trong tâm, khóc đến ra máu, một mình ở chốn cô phòng, không ra khỏi cửa, hầu hơn 10 năm, người ta khen là khổ tiết.

Công chúa có tập thơ Nguyệt Đình thi thảo. Bà là người trinh tỉnh, xuất tự thiên tính, được giáo huấn trong cung khốn và các người

anh, việc làm trước sau đều theo lễ chính. Cho nên trong bài tựa tập thơ, Tụy Lý Vương Miên Trinh đã viết:
“Phát ra ở tình, dừng ở lễ nghĩa, cùng thơ Hà Quảng, thơ Tái Trì ở Vệ Phong”.

(Viết theo Nguyễn Văn Tố dịch từ Liệt Truyện Nhị tập, quyển 9, tờ 13a-16b)

Nguyên chú của Liệt Truyện:

(1) *Huyền Minh là chức quan coi dưới nước,*
(2) *Việt Cơ: nàng hầu yêu của vua nước Sở, một hôm nàng cùng vua lên trên đài chơi, vua ngoảnh lại hỏi: “Có vui không?” Nàng thưa rằng: “Vui thì vui thực, nhưng không biết có được lâu như thế không!” Vua nói rằng: “Ta nguyện cùng nàng sống như thế này, chết cũng lại như thế này”.*

Nàng vẫn chưa tin lời vua nói là đúng. Kịp đến khi vua Sở đi cứu nước Trần, nàng Việt Cơ đi theo, chẳng may vua bị bệnh, có đám mây đỏ giấp mặt trời như hình chim bay, vua hỏi quan sử, quan sử tâu rằng: “Điềm ấy hại đến thân vua nhưng có thể gán cho tướng văn hoặc tướng võ”, vua không nghe nàng Việt Cơ nói “Tốt thay đức của Quân Vương, tôi xin theo vua”. Nói rồi liền tự tử nên người ta nói là nghĩa tử.

(3) *Thiên đàn xung hạ, trong khi Lễ chếp: Tử Xa chết ở nước Vệ, người nhà bàn việc tuần táng (đem người sống chôn theo).*

(4) *Đông Chu Liệt Quốc chếp: Tử Tư chạy sang nước Ngô giữa đường bị bệnh, xin ăn trên bến sông Lại. Có người con gái hái dâu ở bến sông Lại mở bầu cơm cho ăn, rồi người con gái tự hỏi, đẩy bầu cơm lại, gieo mình xuống sông Lại mà chết.*

(5) *Tam Quốc Chí chếp: Tiểu Chu khi xác mất, dặn người nhà rằng: “Lâu nay ta bị bệnh, chưa từng vào châu. Sau khi ta mất, nếu ơn vua*

cho triều phục, chớ mặc vào mình, nên về chỗ mộ cũ, làm áo quan nhẹ để chịu ơn”.

(6) Kinh Lễ, Thiên Tạp ký, chép: Lễ táng là thẳng đường mà đi.

(7) Nam sử chép: Viêm Giám Thâm theo Lưu Khải sang Giao Châu rồi mất, người vợ họ Trịnh khóc rằng: “Hồn họ Viên còn mắc ở đây thì mặt mũi nào về nhà ra mắt mẹ chồng” lúc bấy giờ họ Trịnh hai mươi tuổi, con là Văn Ngưng mới sinh, thế mà qua Giao Châu muôn dặm, đem được xác chồng về quê chôn. Người ta đều ngạc nhiên khen phục.

Nguồn: Ct.Ly / VNthuquan - Thư viện Online

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 13/07/2009 2:30:18 SA